

Số: /KH-SNNMT

Kon Tum, ngày tháng năm

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số ngành nông nghiệp và môi trường năm 2025

Căn cứ Kế hoạch Chuyển đổi số của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Quyết định số 4702/QĐ-BNN-CDS ngày 24 tháng 12 năm 2024.

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Căn cứ Đề án chuyển đổi số tỉnh Kon Tum đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 29 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

Thực hiện Thông báo số 1037/TB-VP ngày 11 tháng 02 năm 2025 về kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính, Chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh tại cuộc họp trực tuyến tổng kết năm 2024 về Chuyển đổi số và Đề án 06.

Thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số của Ủy ban nhân dân tỉnh tại các kế hoạch: Số 4664/KH-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2024 về kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Kon Tum năm 2025; Số 4117/KH-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2024 về triển khai Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030; Số 3148/KH-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2023 về phát triển hạ tầng số tỉnh Kon Tum đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 tại Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh; Số 184/KH-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2023 sửa đổi bổ sung Kế hoạch số 1945/KH-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 về triển khai thực hiện "Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số" trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Số 528/KH-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2025 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 75/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Dữ liệu; Số 484/KH-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2025 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết 03/NQ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ¹.

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 419/UBND-KGVX ngày 10 tháng 02 năm 2025 về việc triển khai Văn bản số 5473/BTTTT-

¹ Về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

KTS&XHS ngày 21 tháng 12 năm 2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về khung hướng dẫn thúc đẩy phát triển kinh tế số ngành.

Thực hiện Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Kon Tum phiên bản 3.0, hướng tới Chính quyền số.

Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch chuyển đổi số ngành nông nghiệp và Môi trường năm 2025, cụ thể như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

- Tiếp tục phát huy kết quả đạt được các nhiệm vụ, giải pháp đạt được và các nhiệm vụ chưa hoàn thành về chuyển đổi số của ngành nông nghiệp và Môi trường năm 2024² để tổ chức thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số năm 2025 với mức độ hoàn thành mục tiêu cao nhất theo Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Kon Tum năm 2025, làm nền tảng thực hiện hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số liên quan của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở tiên phong về tiếp cận, ứng dụng và sử dụng thành thạo các công nghệ số (Công nghệ trí tuệ nhân tạo-AI, BlookChain,...) phù hợp trong thực hiện nhiệm vụ, nhằm góp phần tạo được động lực chuyển đổi cách làm việc theo xu hướng thời đại cho toàn hệ thống; phát huy vai trò, trách nhiệm trong chỉ đạo điều hành, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ phận chuyên môn, từng công chức, viên chức³ triển khai quyết liệt hơn nữa các nhiệm vụ chuyển đổi số được giao năm 2025; tư duy phương pháp tiếp cận thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số phục vụ cho ai giải quyết vấn đề gì và phù hợp với xu hướng chung về chuyển đổi số của ngành không; tổ chức tham mưu, triển khai các nhiệm vụ chuyên đề về chuyển đổi số từ đơn giản nhất, thực tế nhất, hiệu quả nhất tại từng phòng chuyên môn và từng cá nhân liên quan để đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành nông nghiệp ở mức cao nhất tại Kế hoạch này.

II. Chỉ tiêu cụ thể

1. Về nhân lực số: 100% các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường phân công đầu mối thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số tại cơ quan đơn vị; được đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng công tác chuyển đổi số và an toàn an ninh thông tin mạng.

2. Về chính quyền số

- Thủ tục hành chính có đủ điều kiện được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 95% và được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau (*bao gồm thiết bị di động*).

- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt tối thiểu 70%.

- Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%.

² Tại Báo cáo số 1088/BC-SNN ngày 21 tháng 12 năm 2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

³ Theo Quyết định kiện toàn Tổ chỉ đạo về Chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Quyết định số 592/QĐ-SNN ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính đạt 95% trở lên.

- 100% dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện được tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- 100% văn bản (*trừ văn bản mật*) trao đổi giữa các cơ quan được thực hiện dưới dạng điện tử, ký số theo quy định.

- 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*) tại cấp tỉnh đạt.

- 100% dữ liệu về quy hoạch sử dụng đất, cấp phép khai thác khoáng sản, giám sát chất lượng môi trường được số hóa và kết nối với CSDL quốc gia và công khai trên Trang thông tin của Sở.

- 95% chỉ tiêu về bảo vệ môi trường (*giảm phát thải, xử lý chất thải, quan trắc môi trường*) được giám sát bằng công cụ số.

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường trong đó ưu tiên xây dựng CSDL nông nghiệp và môi trường, CSDL đất đai, CSDL về tài nguyên và môi trường. Kết nối, tích hợp, chia sẻ cơ sở dữ liệu ngành với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các sở, ban, ngành có liên quan.

3. Về dữ liệu số

- 100% nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao được theo dõi, giám sát, đánh giá bằng dữ liệu số.

- 50% chỉ tiêu thống kê ngành nông nghiệp và môi trường được cung cấp phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành dưới dạng dữ liệu số.

- Phấn đấu 100% chỉ tiêu theo Nghị quyết số 01/NQ-CP⁴, Nghị quyết số 02/NQ-CP⁵ hằng năm của Chính phủ và Quyết định số 288/QĐ-TTg ngày 28 tháng 2 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ⁶ được theo dõi, giám sát, đánh giá bằng dữ liệu số.

- 100% CSDL dùng chung, CSDL mở (*ban hành kèm theo Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2023*) được cập nhật đảm bảo, đúng quy định.

4. Về an toàn an ninh thông tin

- 100% hệ thống thông tin của ngành nông nghiệp và môi trường được phê duyệt cấp độ an toàn.

- 100% hệ thống thông tin ngành nông nghiệp và môi trường được triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn theo cấp độ.

⁴ Về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước.

⁵ Về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

⁶ Về việc ban hành khung đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

- 100% thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp triển khai giải pháp sẵn sàng phục hồi nhanh khi gặp sự cố được hoạt động trở lại bình thường trong vòng 24 tiếng hoặc theo yêu cầu nghiệp vụ.

(Trách nhiệm cụ thể của các đơn vị thuộc, trực thuộc sở đối với các chỉ tiêu chuyển đổi số được phân công tại Phụ lục 2 kèm theo Kế hoạch này)

III. Nhiệm vụ, giải pháp và phân công thực hiện

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

a) Thường xuyên cập nhật các định hướng, chiến lược chuyển đổi số Quốc gia, của tỉnh⁷; các tài liệu tham khảo thường kỳ phục vụ Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số⁸, Chuyên trang về chuyển đổi số tỉnh Kon Tum⁹ để tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho toàn thể công chức, viên chức, người lao động của đơn vị về chủ trương, chính sách, pháp luật, chiến lược về ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số của Đảng và Nhà nước; vị trí, vai trò của chuyển đổi số trong hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước, phát triển kinh tế số, nông thôn số từng lĩnh vực ngành nông nghiệp và môi trường.

** Thực hiện: Các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở.*

** Thời gian: Thường xuyên.*

b) Học tập kinh nghiệm một số mô hình phát triển kinh tế số trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường của các tỉnh, thành trong nước để thúc đẩy hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm và tăng cường hợp tác trong lĩnh vực chuyển đổi số; định hướng xây dựng các mô hình phát triển kinh tế số sản phẩm nông sản chủ lực, sản phẩm OCOP.

** Thực hiện: Các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở và Văn phòng CTMTQG Xây dựng NTM.*

** Thời gian: Thường xuyên.*

2. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực nguồn nhân lực thực hiện chuyển đổi số

a) Lồng ghép chương trình đào tạo, tập huấn kỹ năng số vào trong Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2025 làm cơ sở triển khai thực hiện.

** Thực hiện: Phòng Tổ chức cán bộ chủ trì phối hợp với các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở.*

** Thời gian: Quý I, năm 2025.*

b) Phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng bộ phận chuyên môn, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ về chuyển đổi số, An toàn thông tin mạng (Theo các nhiệm vụ liên quan của Bộ Chỉ số DTI tỉnh Kon Tum) tại các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

⁷ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

⁸ Tại các địa chỉ: <https://dti.gov.vn/tai-lieu-hoi-thao>; Cẩm nang chuyển đổi số: <https://dx.mic.gov.vn>; Bài học, kinh nghiệm chuyển đổi số: <https://t63.mic.gov.vn>; Danh sách các bài toán chuyển đổi số: <https://c63.mic.gov.vn>.

⁹ Tại địa chỉ: <https://chuyendoiso.kontum.gov.vn/trangchu>.

* *Thực hiện:* Các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở chủ trì.

* *Thời gian:* Báo cáo về Phòng Kế hoạch - Tài chính trong Quý I.

c) Đăng ký, tham gia đầy đủ các chương trình đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số, kỹ năng số, an toàn thông tin (ATTT), kiến trúc Chính quyền Điện tử (KTCQĐT) cho công chức, viên chức do cơ quan có thẩm quyền tổ chức.

* *Thực hiện:* Các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở thực hiện và tổng hợp báo cáo tỷ lệ công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số theo định kỳ hàng quý và năm về phòng Kế hoạch – Tài chính.

* *Thời gian:* Thường xuyên.

3. Thẻ chế số

3.1. Triển khai dịch vụ công thiết yếu

Hoàn thành và triển khai 53 dịch vụ công thiết yếu tại Đề án 06 và Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

* *Thực hiện:* Văn phòng Sở chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở.

* *Thời gian:* Chậm nhất 30 ngày kể từ khi các bộ, ngành triển khai.

3.2. Triển khai các nhiệm vụ nâng cao Chỉ số DTI

a) Đảm bảo thực hiện chính sách của tỉnh về tỷ lệ chi 01% ngân sách nhà nước từ dự toán chi thường xuyên hằng năm (*Tự chủ và không tự chủ*) cho chuyển đổi số.

* *Thực hiện:* Các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở chủ trì.

* *Thời gian:* Thường xuyên.

b) Tiếp tục ban hành văn bản và các hình thức phù hợp để hướng dẫn, đôn đốc, khuyến khích người dân, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý sử dụng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT).

* *Thực hiện:* Văn phòng Sở chủ trì.

* *Thời gian:* Quý I, năm 2025.

c) Giới thiệu, tư vấn, hỗ trợ thực hiện chuyển đổi số cho “Doanh nghiệp nhỏ và vừa” thuộc các lĩnh vực quản lý của ngành nông nghiệp và môi trường.

* *Thực hiện:* Các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở chủ trì.

* *Thời gian:* Thường xuyên.

4. Phát triển hạ tầng số và Chính phủ số

- Tổ chức kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh đến 100% các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Rà soát, đề xuất phê duyệt DVCTT toàn trình, nâng cao tỷ lệ DVCTT toàn trình, DVCTT được điền sẵn thông tin, DVCTT được cá thể hóa; Đẩy mạnh việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và nâng cao tỷ lệ tái sử dụng lại dữ liệu số hóa trong giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính

- Triển khai kết nối các ứng dụng dùng chung qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) và duy trì, phát sinh trao đổi dữ liệu thường xuyên.

* *Thực hiện: Văn phòng Sở chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở.*

* *Thời gian: Thường xuyên.*

- Tăng cường ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong nền tảng số; tổ chức ứng dụng 100% các nền tảng số dùng chung của Bộ, ngành trung ương và của tỉnh triển khai thuộc ngành nông nghiệp và môi trường.

* *Thực hiện: Các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở.*

* *Thời gian: Thường xuyên.*

5. Đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng

Tổ chức rà soát, đánh giá an toàn thông tin, an ninh mạng tại Văn phòng Sở và các đơn vị trực thuộc để khắc phục những hạn chế, bất cập về lỗ hổng bảo mật, tình trạng lộ lọt thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân; trình phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ cho 100% hệ thống thông tin của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

* *Thực hiện: Văn phòng Sở chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.*

* *Thời gian: Năm 2025.*

6. Kinh tế số

a. Tập trung lồng ghép các nguồn kinh phí từ các Chương trình mục tiêu Quốc gia; nguồn kinh phí từ ngân tỉnh chi hoạt động sự nghiệp nông, lâm nghiệp, khuyến nông, khoa học và công nghệ,... hỗ trợ các tổ chức kinh tế hợp tác, doanh nghiệp nhỏ và vừa, nông dân ứng dụng nền tảng số để tổ chức liên kết sản xuất; chứng nhận phù hợp; truy xuất nguồn gốc minh bạch chuỗi cung ứng; tối ưu chuỗi cung ứng sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh từ các mô hình nông nghiệp tuần hoàn, hữu cơ gắn với du lịch nông nghiệp nông thôn, du lịch thông minh, phục vụ xúc tiến thương mại điện tử các sản phẩm.

* *Thực hiện: Các Chi cục, Trung tâm thuộc Sở và Văn phòng Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới chủ trì, phối hợp với Phòng Kế hoạch-Tài chính.*

* *Thời gian: Thường xuyên.*

b) Triển khai Kế hoạch, Chương trình thúc đẩy chuyển đổi số tại Hợp tác xã, Doanh nghiệp nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Kon Tum nhằm thúc đẩy các hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp trên địa bàn ứng dụng CNTT sử dụng các nền tảng số nông nghiệp để thực hiện chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc nông sản, nâng cao năng suất, tiết kiệm nguồn lực và giảm chi phí; phát triển kinh tế số định hướng phát triển kinh tế nông nghiệp tuần hoàn.

* *Thực hiện: Phòng Kế hoạch-Tài chính thuộc Sở chủ trì phối hợp với các đơn vị trực thuộc Sở.*

* *Thời gian: Năm 2025.*

c. Triển khai hệ thống quản lý thông tin người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất thông qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, VneID

* *Thực hiện: Phòng Quản lý đất đai.*

** Thời gian: Năm 2025.*

d. Triển khai hiệu quả Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 924/QĐ-TT ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 1047/KH-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Thúc đẩy 100% sản phẩm OCOP được đưa lên sàn giao dịch thương mại điện tử.

** Thực hiện: Văn phòng Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới tỉnh.*

** Thời gian: Thường xuyên.*

7. Ứng dụng số

a) Hoàn thiện Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và môi trường. Trong đó, ưu tiên bổ sung các phân hệ thuộc các lĩnh vực Kiểm lâm, Nông thôn mới, Chất lượng nông lâm thủy sản, Mã số vùng trồng, Tài nguyên và môi trường (gồm các phân hệ: Quản lý địa chính, Quản lý quy trình luân chuyển hồ sơ đất đai, Quản lý gia đất, Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, Quản lý thống kê, kiểm kê đất đai) đảm bảo kết nối dữ liệu giữa ngành nông nghiệp và môi trường với cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác của tỉnh và cơ sở dữ liệu của Bộ Nông nghiệp và Môi trường nhằm phục vụ công tác quản lý, theo dõi, giám sát, chỉ đạo, điều hành.

** Thực hiện: Phòng Kế hoạch-Tài chính chủ trì phối hợp với các đơn vị trực thuộc Sở.*

** Thời gian: Trong năm 2025.*

b) Triển khai Kế hoạch, Chương trình thúc đẩy chuyển đổi số tại Hợp tác xã, Doanh nghiệp nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Kon Tum nhằm thúc đẩy các hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp trên địa bàn ứng dụng CNTT sử dụng các nền tảng số nông nghiệp để thực hiện chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc nông sản, nâng cao năng suất, tiết kiệm nguồn lực và giảm chi phí; phát triển kinh tế số định hướng phát triển kinh tế nông nghiệp tuần hoàn.

** Thực hiện: Phòng Kế hoạch-Tài chính thuộc Sở chủ trì phối hợp với các đơn vị trực thuộc Sở.*

** Thời gian: Quý I, năm 2025.*

c) Cập nhật, số hóa dữ liệu WebGIS vùng trồng các loại cây trồng chủ lực của tỉnh và vận hành trên Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và môi trường. Trong đó, dữ liệu WebGIS vùng trồng các loại cây trồng chủ lực của tỉnh được tự động cập nhật theo thời gian thực được trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và môi trường phục vụ cho công tác quản lý nhà nước và chia sẻ cho nhu cầu tìm hiểu cơ hội đầu tư và thu hút đầu tư.

** Thực hiện: Phòng Kế hoạch-Tài chính chủ trì phối hợp với các đơn vị trực thuộc Sở.*

** Thời gian: Năm 2025.*

8. Dữ liệu số

a) Rà soát, hoàn thiện Danh mục CSDL dùng chung, CSDL mở thuộc phạm vi quản lý của ngành (ban hành kèm theo Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2023) cung cấp vào kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

* *Thực hiện: Phòng Kế hoạch – Tài chính thuộc Sở chủ trì phối hợp với các đơn vị trực thuộc Sở.*

* *Thời gian: Năm 2025*

b) Số hóa, cung cấp dữ liệu phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ.

* *Thực hiện: Các đơn vị liên quan trực thuộc Sở*

* *Thời gian: Thường xuyên.*

c) Số hóa thông tin dữ liệu về đất đai bao gồm: Cơ sở dữ liệu về địa chính, cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai, cơ sở dữ liệu về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, cơ sở dữ liệu giá đất.

* *Thực hiện: Phòng Quản lý đất đai*

* *Thời gian: Năm 2025.*

d) Tiếp tục triển khai Dự án Xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính, đăng ký cấp GCNQSDĐ và XD cơ sở dữ liệu quản lý đất đai (*Dự án tổng thể 2017-2025*)

* *Thực hiện: Phòng Kế hoạch – Tài chính*

* *Thời gian: Năm 2025.*

e) Tổ chức thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm

* *Thực hiện: Phòng Quản lý đất đai*

* *Thời gian: Năm 2025.*

f) Tổng Kiểm kê tài nguyên nước quốc gia, giai đoạn đến năm 2025

* *Thực hiện: Phòng Quản lý đất đai*

* *Thời gian: Năm 2025.*

g) Xây dựng Bảng giá đất năm 2026

* *Thực hiện: Phòng Quản lý đất đai*

* *Thời gian: Năm 2025.*

9. Nhiệm vụ trọng tâm, đột phá về chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường¹⁰

a) Triển khai Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và môi trường.

* *Thực hiện: Phòng Kế hoạch – Tài chính Sở.*

* *Thời gian: Năm 2025-2030.*

b) Cập nhật, số hóa dữ liệu WebGIS vùng trồng các loại cây trồng chủ lực của tỉnh.

¹⁰ Theo Quyết định số 29 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về ban hành Đề án chuyển đổi số tỉnh kon tum đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

* *Thực hiện:* Phòng Kế hoạch – Tài chính Sở.

* *Thời gian:* Năm 2025-2030.

c) Xây dựng thí điểm và nhân rộng 01 mô hình “Thôn thông minh”.

* *Thực hiện:* Văn phòng Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới tỉnh.

* *Thời gian:* Năm 2025.

d) Triển khai thí điểm ít nhất 05 hợp tác xã, 02 doanh nghiệp nông nghiệp sản xuất các nông sản xuất khẩu ứng dụng nền tảng Nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản tỉnh Kon Tum (<https://nongsan.kontum.gov.vn>) để phục vụ quản lý tiêu chuẩn chất lượng nông nghiệp, liên kết doanh nghiệp đầu ra, truy xuất nguồn gốc và quản lý chuỗi giá trị nông sản.

* *Thực hiện:* Chi cục Nông nghiệp.

* *Thời gian:* Năm 2025.

9. Các nhiệm vụ khác

a) Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị nhằm đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh.

* *Thực hiện:* Các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở và Văn phòng Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới tỉnh (theo nhiệm vụ tại Phụ lục 3, kèm theo Kế hoạch này).

* *Thời gian:* Thường xuyên.

b) Triển khai phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực theo hướng dẫn của Bộ Thông tin tại Văn bản số 5473/BTTTT-KTS&XHS ngày 21 tháng 12 năm 2024 về khung hướng dẫn thúc đẩy phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực.

* *Thực hiện:* Các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở và Văn phòng Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới tỉnh (theo nhiệm vụ tại Phụ lục 3, kèm theo Kế hoạch này).

d) Tiếp tục rà soát, triển khai hiệu quả các nhiệm vụ chuyển đổi số thuộc chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc sở tại các Văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh làm cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số trong năm 2025 và các năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh.

* *Thực hiện:* Các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thực hiện.

* *Thời gian:* Thường xuyên.

đ) Kiểm tra, đôn đốc việc triển khai các nhiệm vụ Kế hoạch, chỉ đạo về chuyển đổi số của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh.

* *Thực hiện:* Phòng Tổ chức-Cán bộ chủ trì thực hiện.

* *Thời gian:* 06 tháng và năm 2025.

e) Kiện toàn Tổ chỉ đạo Chuyển đổi ngành nông nghiệp và môi trường.

* *Thực hiện: Phòng Tổ chức-Cán bộ chủ trì thực hiện.*

* *Thời gian: Tháng 3 năm 2025.*

IV. Tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và nhiệm vụ được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ tại Kế hoạch này, xây dựng Kế hoạch phân công cụ thể từng nhiệm vụ cho từng bộ phận, công chức, viên chức để hoàn thành các sản phẩm theo yêu cầu tại Kế hoạch này và các Chỉ số DTI thành phần; trực tiếp ký phát hành văn bản báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ được phân công nêu trên và tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 kèm theo Kế hoạch này về Tổ Chỉ đạo Chuyển đổi số Sở Nông nghiệp và Môi trường định kỳ hằng quý (*trước ngày 20 tháng cuối của quý*), 6 tháng (*trước ngày 20 tháng 6 năm 2025*) và năm (*trước ngày 15 tháng 12 năm 2025*). Văn phòng Sở cập nhật theo dõi tiến độ thực hiện nhiệm vụ.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu phát sinh các khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị có báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, điều chỉnh phù hợp.

Sở Nông nghiệp và Môi trường báo để các đơn vị biết, thực hiện./.

Nơi nhận :

- Sở Khoa học và Công nghệ (P/h);
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở;
- Ban GD Sở NN&MT;
- Tổ Chỉ đạo Chuyển đổi số Sở NN&MT;
- Lưu: VT, KH, VPs.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tấn Liêm

Phụ lục 1**Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2024**

Stt	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện	Báo cáo kết quả triển khai thực hiện
I	Nhiệm vụ trọng tâm của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số			
1	Chỉ đạo triển khai hiệu quả Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 924/QĐ-TT ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 1047/KH-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Thúc đẩy 100% sản phẩm OCOP được đưa lên sàn giao dịch thương mại điện tử	Văn phòng CTMT QG XDNTM tham mưu báo cáo kết quả chỉ đạo của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thường xuyên	6 tháng (<i>trước ngày 20 tháng 6 năm 2025</i>) và năm (<i>trước ngày 15 tháng 12 năm 2025</i>)

Phụ lục 2**Nhiệm vụ cụ thể chuyển đổi số ngành nông nghiệp Môi trường
năm 2025**

Stt	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Báo cáo kết quả triển khai thực hiện
I	Thế chế, chính sách số		
1	Tham mưu ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Môi trường năm 2025, định hướng năm 2030	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Năm 2025
II	Dữ liệu số		
1	Số hóa, cung cấp dữ liệu phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ. Nhiệm vụ cụ thể như sau:		
	<i>(1) Nhóm chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành hằng ngày, hằng tháng</i>		
	Cung cấp các thông tin, dữ liệu về “Xuất khẩu ngành nông nghiệp toàn tỉnh” thuộc phân tổ nước, vùng lãnh thổ	Chi cục Nông nghiệp	Hằng tháng
	Cung cấp các thông tin, dữ liệu về “Xuất khẩu gạo toàn tỉnh” thuộc phân tổ nước, vùng lãnh thổ	Chi cục Nông nghiệp	Hằng quý
	Cung cấp các thông tin, dữ liệu về “Sản lượng lúa toàn tỉnh” thuộc phân tổ huyện, thành phố	Chi cục Nông nghiệp	Hằng quý
	Cung cấp các thông tin, dữ liệu về “Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới toàn tỉnh (<i>nâng cao, kiểu mẫu...</i>)”	Văn phòng CTMT QG XDNTM	Hằng tháng
	Cung cấp các thông tin, dữ liệu về “Số lượng huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới toàn tỉnh”	Văn phòng CTMT QG XDNTM	Hằng tháng
	Cung cấp các thông tin, dữ liệu về “Diện tích rừng bị thiệt hại toàn tỉnh (<i>bị chặt phá, bị cháy...</i>)”	Chi cục Kiểm lâm	Hằng tháng
	Cung cấp các thông tin, dữ liệu về “Diện tích rừng trồng mới tập trung toàn tỉnh”	Chi cục Kiểm lâm	Hằng tháng
	<i>(2) Nhóm chỉ số theo dõi nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm</i>		
	Cung cấp các thông tin, dữ liệu về	Văn phòng CTMT	Hằng Quý, Năm, từ

Stt	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Báo cáo kết quả triển khai thực hiện
	“Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới toàn tỉnh”	QG XDNTM	năm 2025 và các năm tiếp
	(3) Nhóm chỉ số theo dõi tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án trọng điểm quốc gia đến năm 2025		
	Cung cấp các thông tin, dữ liệu về “Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới toàn tỉnh”	Văn phòng CTMT QG XDNTM	Hàng Giờ/Ngày/Tháng, từ năm 2025 và các năm tiếp
	(4) Nhóm chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành trong các tình huống khẩn cấp như thiên tai, dịch bệnh, ứng phó và tìm kiếm cứu nạn		
	Cung cấp các thông tin, dữ liệu về “Các thông tin về công trình phòng chống thiên tai toàn tỉnh (hồ chứa thủy lợi, thủy điện, đê điều, sạt lở bờ sông, bờ biển)”	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Hàng Giờ/Ngày/Tháng, từ năm 2025 và các năm tiếp
	Cung cấp các thông tin, dữ liệu về “Các thông tin về dân sinh - kinh tế toàn tỉnh (diện tích trồng trọt, số đầu con trong chăn nuôi, diện tích thủy sản, ...)”	Các Chi cục Nông nghiệp	Hàng Tháng/Quý/Năm, từ năm 2025 và các năm tiếp
	Cung cấp các thông tin, dữ liệu về “Các dữ liệu về bản đồ và ảnh viễn thám toàn tỉnh (bản đồ rủi ro thiên tai, sạt lở, ngập lụt, ảnh vệ tinh...)”	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Hàng Tháng, từ năm 2025 và các năm tiếp
2	Thuê dịch vụ CNTT duy trì và bổ sung hoàn thiện các phân hệ Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và Môi trường.	- Phòng Kế hoạch - Tài chính chủ trì.	Năm 2025
3	Tham mưu ban hành Kế hoạch, Chương trình thúc đẩy chuyển đổi số tại Hợp tác xã, Doanh nghiệp nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Kon Tum	Phòng Kế hoạch - Tài chính chủ trì.	Quý I, năm 2025
III	Nhiệm vụ thường xuyên		
1	Cung cấp, cập nhật, chia sẻ 100% dữ liệu dùng chung, CSDL mở lên Kho cơ sở dữ liệu tỉnh theo Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của UBND tỉnh	Các Chi cục thuộc Sở	Quý I, Năm 2025
	100% nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân	Văn phòng Sở	Thường xuyên

Stt	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Báo cáo kết quả triển khai thực hiện
	tính giao được theo dõi, giám sát, đánh giá bằng dữ liệu số.		
	50% chỉ tiêu thống kê ngành nông nghiệp và Môi trường được cung cấp phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành dưới dạng dữ liệu số.	Phòng Kế hoạch – Tài chính	Thường xuyên
	100% chỉ tiêu theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ¹¹ , Nghị quyết số 02/NQ-CP ¹² hằng năm của Chính phủ và Quyết định số 288/QĐ-TTg ngày 28 tháng 2 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ¹³ được theo dõi, giám sát, đánh giá bằng dữ liệu số	Phòng Kế hoạch – Tài chính	Thường xuyên
2	Thủ tục hành chính có đủ điều kiện được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 95% và được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau (<i>bao gồm thiết bị di động</i>)	Văn phòng Sở	Thường xuyên
3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt tối thiểu 70%	Văn phòng Sở	Thường xuyên
4	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%	Văn phòng Sở	Thường xuyên
5	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính đạt 95% trở lên	Văn phòng Sở	Thường xuyên
6	100% dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện được tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia.	Văn phòng Sở	Thường xuyên
7	100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	Phòng Kế hoạch – Tài chính chủ trì.	Thường xuyên

¹¹ Về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước.

¹² Về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

¹³ Về việc ban hành khung đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Stt	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Báo cáo kết quả triển khai thực hiện
8	100% văn bản (<i>trừ văn bản mật</i>) trao đổi giữa các cơ quan được thực hiện dưới dạng điện tử, ký số theo quy định	Văn phòng Sở	Thường xuyên
9	100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (<i>trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước</i>)	Văn phòng Sở	Thường xuyên
10	100% Hệ thống thông tin của Sở và các đơn vị trực thuộc được phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin	Văn phòng Sở	Thường xuyên
11	100% Hệ thống thông tin của của Sở và các đơn vị trực thuộc đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ	Văn phòng Sở	Thường xuyên
12	100% các trang thông tin điện tử của Sở và các đơn vị trực thuộc được đánh giá an toàn thông tin và dán nhãn tín nhiệm mạng	Văn phòng Sở	Thường xuyên
13	100% thống thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp triển khai giải pháp sẵn sàng phục hồi nhanh khi gặp sự cố được hoạt động trở lại bình thường trong vòng 24 tiếng hoặc theo yêu cầu nghiệp vụ.	Văn phòng Sở	Thường xuyên

